

Số: 86/2024/QĐCNTTLH

D, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của bà Nguyễn Hùng Hoàng N và ông Trần Đăng K.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hùng Hoàng N;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 6 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Bà Nguyễn Hùng Hoàng N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Trần Đăng K, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ A, thôn C, xã S, huyện D, Khánh Hòa.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 6 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hùng Hoàng N và ông Trần Đăng K tự nguyện thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Hoàng B (sinh ngày 26/10/2020) cho bà Nguyễn Hùng Hoàng N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Trần Đăng K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trần Đăng K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông **K** và bà **N** có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà **N** và ông **K** xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác:

Quy định: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thái Bảo N1